

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN ĐẠT GROUP

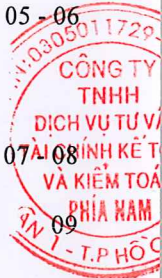
*Báo cáo tài chính đã được kiểm toán*  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022*

Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**  
Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh - Tel: (028) 3820 5944 - Fax: (028) 3820 5942

## MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	03 - 04
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	05 - 06
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
- Bảng cân đối kế toán	07 - 08
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 27



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Vạn Đạt Group (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vạn Đạt Group được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315858232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20/08/2019 và thay đổi lần thứ 03 ngày 19/11/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 50.000.000.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 50.000.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại B07 khu Jamona Home Resort, đường số 12, Phường Hiệp Bình Phước, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Thương mại.

### **3. Ngành nghề kinh doanh chính**

Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép.

### **4. Kết quả hoạt động**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

### **5. Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc của Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2022 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### **6. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và Đại diện pháp luật**

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông	Guo GuoZheng	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 25/03/2022)
Ông	Fang Jian	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/03/2022)
Ông	Trần Lâm Hoàng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/03/2022)
Ông	Trần Văn Anh	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 25/03/2022)
Ông	Nguyễn Văn Sáng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/03/2022)
Ông	Đặng Vy Hào	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/03/2022)

#### **Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

Ông	Trần Văn Anh	Giám đốc
Ông	Nguyễn Văn Sáng	Kế toán trưởng

#### **Đại diện pháp luật**

Ông	Trần Văn Anh
-----	--------------



## 7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán cho các báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.

## 8. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc của Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc của Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc của Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

## 9. Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2023



Trần Văn Anh

Số : 260 /BCKT/TC/2023/AASCS

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN ĐẠT GROUP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vạn Đạt Group được lập ngày 13/01/2023 từ trang 07 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

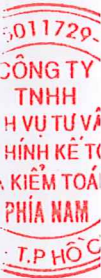
Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vạn Đạt Group tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2023

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Phó Tổng Giám đốc



Kiểm toán viên

**Tạ Quang Long**

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0649-2023-142-1

**Nguyễn Vũ**

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0699-2023-142-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>52.749.785.353</b>	<b>38.641.509.001</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.01	<b>7.743.093.954</b>	<b>1.274.888.050</b>
1. Tiền	111		7.743.093.954	1.274.888.050
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>31.558.623.350</b>	<b>26.669.695.687</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	20.449.100.884	10.394.695.627
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	8.914.522.466	16.275.000.060
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	2.195.000.000	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>12.849.775.684</b>	<b>9.793.076.067</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.05	12.849.775.684	9.793.076.067
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>598.292.365</b>	<b>903.849.197</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		80.308.331	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		517.984.034	903.849.197
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>19.987.594.174</b>	<b>18.847.950.426</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>18.389.753.226</b>	<b>18.843.391.926</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	5.869.753.226	6.323.391.926
- Nguyên giá	222		6.538.005.273	6.538.005.273
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(668.252.047)	(214.613.347)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	12.520.000.000	12.520.000.000
- Nguyên giá	228		12.520.000.000	12.520.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.08	<b>1.593.288.245</b>	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.600.000.000	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(6.711.755)	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.552.703</b>	<b>4.558.500</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		4.552.703	4.558.500
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>72.737.379.527</b>	<b>57.489.459.427</b>

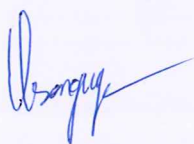
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

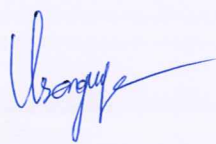
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>19.402.920.166</b>	<b>7.337.824.559</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>19.402.920.166</b>	<b>7.337.824.559</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	17.209.398.324	6.777.583.065
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.199.207.869	501.080.484
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	881.292.973	59.161.010
4. Phải trả người lao động	314		113.021.000	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>53.334.459.361</b>	<b>50.151.634.868</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.12	<b>53.334.459.361</b>	<b>50.151.634.868</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		3.334.459.361	151.634.868
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		151.634.868	(240.437.412)
- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	421b		3.182.824.493	392.072.280
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>72.737.379.527</b>	<b>57.489.459.427</b>

Người lập biểu



Nguyễn Văn Sáng

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Sáng

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2022



Trần Văn Anh




## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND


Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	VI.01	<b>163.794.670.085</b>	<b>42.215.033.100</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>163.794.670.085</b>	<b>42.215.033.100</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	156.160.588.481	40.726.443.480
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>7.634.081.604</b>	<b>1.488.589.620</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		538.239	315.330
7. Chi phí tài chính	22		6.711.755	
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	
8. Chi phí bán hàng	25	VI.03	729.908.000	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.03	2.765.620.900	1.037.671.450
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>4.132.379.188</b>	<b>451.233.500</b>
11. Thu nhập khác	31		1.540.002	919
12. Chi phí khác	32		69.801.724	1.129
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(68.261.722)</b>	<b>(210)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>4.064.117.466</b>	<b>451.233.290</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.05	881.292.973	59.161.010
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>3.182.824.493</b>	<b>392.072.280</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.06	636,56	909,71
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.06	636,56	909,71

Người lập biểu



Nguyễn Văn Sáng

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Sáng

Lập, ngày 13 tháng 01 năm 2023



Trần Văn Anh

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

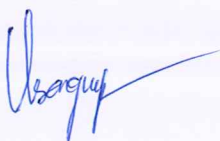
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

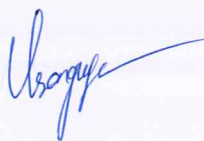
Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.064.117.466	451.233.290
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		453.638.700	214.613.347
- Các khoản dự phòng	03		6.711.755	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(538.239)	(315.330)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4.523.929.682	665.531.307
- Biến động các khoản phải thu	09		(4.503.062.500)	(27.536.682.175)
- Biến động hàng tồn kho	10		(3.056.699.617)	(9.607.893.798)
- Biến động các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		11.242.963.644	7.278.663.549
- Biến động chi phí trả trước	12		(80.302.534)	(4.558.500)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(59.161.010)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>8.067.667.665</b>	<b>(29.204.939.617)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(19.058.005.273)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.600.000.000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		538.239	315.330
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.599.461.761)</b>	<b>(19.057.689.943)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	49.000.000.000
3. Tiền thu từ đi vay	33		3.000.000.000	26.900.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.000.000.000)	(26.900.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>49.000.000.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>6.468.205.904</b>	<b>737.370.440</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>1.274.888.050</b>	<b>537.517.610</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>VII</b>	<b>7.743.093.954</b>	<b>1.274.888.050</b>

Người lập biểu



Nguyễn Văn Sáng

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Sáng

Lập, ngày 13 tháng 01 năm 2023



Trần Văn Anh

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vạn Đạt Group được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315858232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20/08/2019 và thay đổi lần thứ 03 ngày 19/11/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 50.000.000.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 50.000.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại B07 khu Jamona Home Resort, đường số 12, Phường Hiệp Bình Phước, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh chính

Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép.

#### 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không có.

#### 6. Số lượng nhân viên

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có 11 nhân viên (Tại 31/12/2021, là 05 nhân viên).

### II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

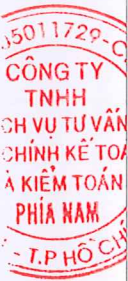
### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

#### 1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.



**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền****a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

**b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền**

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày báo cáo có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra VND.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**Dự phòng nợ phải thu khó đòi:** các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

### **3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

#### **a. Nguyên tắc ghi nhận**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường;
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

#### **b. Phương tính giá trị hàng tồn kho**

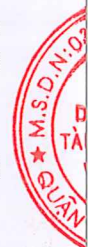
Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### **c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### **d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí hoàn thiện, chi phí bán hàng tăng lên thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.



**4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

**Số năm khấu hao ước tính**

- Nhà cửa, vật kiến trúc	40 năm
- Phương tiện vận tải	08 - 10 năm

**5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

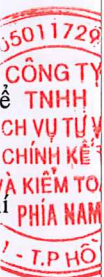
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn;
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

**6. Ghi nhận các khoản phải trả**

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.



Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

#### **7. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

#### **8. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

#### **9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### **10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

##### **a. Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



**b. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**c. Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.





**13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

**15. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

**16. Công cụ tài chính**

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.



**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Tiền mặt	2.658.820.044	1.256.546.077
- Tiền gửi ngân hàng	5.084.273.910	18.341.973
<b>Cộng</b>	<b>7.743.093.954</b>	<b>1.274.888.050</b>

**2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>20.449.100.884</b>	<b>10.394.695.627</b>
- Công ty TNHH Da Luen (Việt Nam)	4.810.050.138	2.926.060.027
- Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng Trinh Phát	-	2.705.076.000
- Công ty TNHH Công nghiệp Dệt Đức Minh	-	2.076.816.464
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Dệt may Dương Huy	-	1.000.000.092
- Công ty TNHH Promax Textile (Việt Nam)	10.785.292.650	-
- Công ty TNHH Thời Trang The Look	2.000.000.000	-
- Các khách hàng khác	2.853.758.096	1.686.743.044
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	-	-

**3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>8.914.522.466</b>	<b>16.275.000.060</b>
- Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Hoàng Thức	-	11.055.000.060
- Công ty Cổ phần Thiết Kế và Trang Trí Nội Thất Nguyễn Sáng	-	5.000.000.000
- Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Vạn Thành Phát	8.635.722.466	-
- Các khách hàng khác	278.800.000	220.000.000
<b>b. Dài hạn</b>	-	-

**4. PHẢI THU KHÁC**

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>2.195.000.000</b>	-	-	-
- Phải thu người lao động (Tạm ứng)	2.000.000.000	-	-	-
- Ký cược, ký quỹ	195.000.000	-	-	-
<b>b. Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.195.000.000</b>	-	-	-

**5. HÀNG TỒN KHO**

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
- Hàng hóa	12.849.775.684	-	9.793.076.067	-
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b>12.849.775.684</b>	-	<b>9.793.076.067</b>	-

**6. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc (*)	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>			
1. Số dư đầu năm	2.880.000.000	3.658.005.273	6.538.005.273
2. Số tăng trong năm	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	2.880.000.000	3.658.005.273	6.538.005.273
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
1. Số dư đầu năm	180.493.040	34.120.307	214.613.347
2. Khấu hao trong năm	72.000.000	547.809.159	619.809.159
- Khấu hao tăng trong năm	72.000.000	381.638.700	453.638.700
- Phân loại lại	-	166.170.459	166.170.459
3. Giảm trong năm	166.170.459	-	166.170.459
- Phân loại lại	166.170.459	-	166.170.459
4. Số dư cuối năm	86.322.581	581.929.466	668.252.047
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>			
1. Tại ngày đầu năm	2.699.506.960	3.623.884.966	6.323.391.926
2. Tại ngày cuối năm	2.793.677.419	3.076.075.807	5.869.753.226

**Ghi chú:**

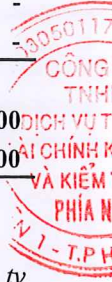
(\*) Giá trị tài sản cố định hữu hình về nhà cửa vật kiến trúc và tài sản cố định vô hình - quyền sử dụng đất của Công ty được xác định căn cứ theo giá trị hợp đồng chuyển nhượng căn nhà ký ngày 20/10/2021, các phụ lục kèm theo và theo Chứng thư thẩm định giá số 18-N/2021/CTTĐG-USEFUL ngày 18/06/2021 của Công ty Cổ phần Định giá và Tư vấn Useful.

**7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất lâu dài (*)	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>		
1. Số dư đầu năm	12.520.000.000	12.520.000.000
2. Số tăng trong năm	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	12.520.000.000	12.520.000.000
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
1. Số dư đầu năm	-	-
2. Khấu hao trong năm	-	-
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	-	-
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>		
1. Tại ngày đầu năm	12.520.000.000	12.520.000.000
2. Tại ngày cuối năm	12.520.000.000	12.520.000.000

**Ghi chú:**

(\*) Giá trị tài sản cố định hữu hình về nhà cửa vật kiến trúc và tài sản cố định vô hình - quyền sử dụng đất của Công ty được xác định căn cứ theo giá trị hợp đồng chuyển nhượng căn nhà ký ngày 20/10/2021, các phụ lục kèm theo và theo Chứng thư thẩm định giá số 18-N/2021/CTTĐG-USEFUL ngày 18/06/2021 của Công ty Cổ phần Định giá và Tư vấn Useful.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN ĐẠT GROUP**

B07 khu Jamona Home Resort, Đường số 12, Phường Hiệp Bình Phước, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý
		Dự phòng		Dự phòng
Đầu tư vào các đơn vị khác	1.600.000.000	1.593.288.245	(6.711.755)	-
- Công ty TNHH Sản xuất Nguyên liệu Dệt may Vạn Đạt	1.600.000.000	1.593.288.245	(6.711.755)	-
<b>Cộng</b>	<b>1.600.000.000</b>	<b>1.593.288.245</b>	<b>(6.711.755)</b>	<b>-</b>

**Ghi chú:**

Thực hiện Nghị quyết HĐQT số 2011/2022/NQ-HĐQT ngày 20/11/2022, Công ty đã góp vốn đầu tư với giá trị là 1.600.000.000 VND, chiếm 16% vốn điều lệ của Công ty TNHH Sản xuất Nguyên liệu Dệt may Vạn Đạt.



**9. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN**

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>17.209.398.324</b>	<b>17.209.398.324</b>	<b>6.777.583.065</b>	<b>6.777.583.065</b>
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Talaco	-	-	6.777.583.065	6.777.583.065
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đầu Tư Hữu Sảng	10.047.371.657	10.047.371.657	-	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ May Mặc Đạt Kim	3.104.121.306	3.104.121.306	-	-
- Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại và Dịch Vụ Amazing	2.267.208.808	2.267.208.808	-	-
- Các khách hàng khác	1.790.696.553	1.790.696.553	-	-
<b>b. Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>17.209.398.324</b>	<b>17.209.398.324</b>	<b>6.777.583.065</b>	<b>6.777.583.065</b>

*c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán*

*d. Phải trả người bán là các bên liên quan*

**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỢ CHO NHÀ NƯỚC**

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Phải nộp trong năm</i>	<i>Đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
<b>a. Phải nộp</b>	<b>59.161.010</b>	<b>886.557.283</b>	<b>64.425.320</b>	<b>881.292.973</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	59.161.010	881.292.973	59.161.010	881.292.973
Thuế khác	-	5.264.310	5.264.310	-
<b>b. Phải thu</b>	-	-	-	-

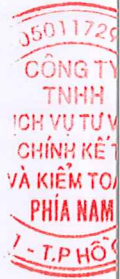
*Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.*

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN ĐẠT GROUP**

B07 khu Jamona Home Resort, Đường số 12, Phường Hiệp Bình Phước, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**11. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>a. Vay ngắn hạn</i>	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-
Ông Trần Văn Anh	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-
<i>b. Vay dài hạn</i>	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	-	-	<b>3.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>	-	-

*c. Các khoản nợ thuế tài chính**d. Số vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán*

**12. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>(240.437.412)</b>	<b>759.562.588</b>
- Tăng vốn trong năm	49.000.000.000	-	49.000.000.000
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	392.072.280	392.072.280
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>151.634.868</b>	<b>50.151.634.868</b>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>151.634.868</b>	<b>50.151.634.868</b>
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	3.182.824.493	3.182.824.493
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>3.334.459.361</b>	<b>53.334.459.361</b>

*b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước	-	-
- Vốn góp của các đối tượng khác	50.000.000.000	50.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>

*c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận*

	Năm nay	Năm trước
<b>- Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu năm	50.000.000.000	1.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	49.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	50.000.000.000	50.000.000.000
<b>- Cổ tức lợi nhuận đã chia</b>	-	-



**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

**1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

**a. Doanh thu**

- Doanh thu bán hàng hóa

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hóa	163.794.670.085	42.215.033.100

**b. Doanh thu đối với các bên liên quan**

	-	-
--	---	---

**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

- Giá vốn hàng hóa

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn hàng hóa	156.160.588.481	40.726.443.480

**3. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

**a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm**

- Chi phí nhân viên bán hàng

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên bán hàng	729.908.000	-
	729.908.000	-

**b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm**

- Chi phí nhân viên quản lý

- Chi phí khấu hao TSCĐ

- Thuế, phí và lệ phí

- Chi phí dịch vụ mua ngoài

- Chi phí bằng tiền khác

- Chi phí nhân viên quản lý	2.765.620.900	1.037.671.450
- Chi phí khấu hao TSCĐ	472.100.000	505.595.000
- Chi phí khấu hao TSCĐ	453.638.700	214.613.347
- Thuế, phí và lệ phí	5.264.310	3.500.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.810.907.697	313.456.603
- Chi phí bằng tiền khác	23.710.193	506.500

**4. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

- Chi phí nhân công

- Chi phí khấu hao TSCĐ

- Chi phí dịch vụ mua ngoài

- Chi phí bằng tiền khác

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân công	1.202.008.000	505.595.000
- Chi phí khấu hao TSCĐ	453.638.700	214.613.347
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.810.907.697	313.456.603
- Chi phí bằng tiền khác	28.974.503	4.006.500

**Cộng**

	<b>3.495.528.900</b>	<b>1.037.671.450</b>
--	----------------------	----------------------

**5. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế

- Các khoản điều chỉnh tăng / (giảm) lợi nhuận kế toán trước thuế

+ Các khoản điều chỉnh tăng

+ Các khoản điều chỉnh giảm

- Tổng thu nhập chịu thuế

+ Lỗi từ các năm trước chuyển sang

- Tổng thu nhập tính thuế

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp

	Năm nay	Năm trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.064.117.466	451.233.290
- Các khoản điều chỉnh tăng / (giảm) lợi nhuận kế toán trước thuế	342.347.398	85.009.171
+ Các khoản điều chỉnh tăng	342.347.398	85.009.171
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	4.406.464.864	536.242.461
+ Lỗi từ các năm trước chuyển sang	-	(240.437.412)
- Tổng thu nhập tính thuế	4.406.464.864	295.805.049
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	881.292.973	59.161.010
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	881.292.973	59.161.010

**6. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU/LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.182.824.493	392.072.280
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.000.000	430.986
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu/ Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>636,56</b>	<b>909,71</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

1. Các giao dịch phi tiền tệ ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: Không phát sinh.

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng: Không phát sinh.

3. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	3.000.000.000	26.900.000.000

4. Số tiền đã trả thực gốc vay trong năm

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	3.000.000.000	26.900.000.000

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*a. Các bên liên quan*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	Ban điều hành
Công ty TNHH Sản xuất Nguyên liệu Dệt may Vạn Đạt	Công ty góp vốn

*b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Giao dịch</u>	<u>Số tiền</u>
Ông Trần Văn Anh	Vay tiền	3.000.000.000
	Trả tiền vay	3.000.000.000
	Tạm ứng	2.000.000.000

*Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng*

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trần Văn Anh	Giám đốc	72.000.000	-
Nguyễn Văn Sáng	Kế toán trưởng	164.800.000	105.300.000
<b>Cộng</b>		<b>236.800.000</b>	<b>105.300.000</b>

*c. Số dư cuối năm với các bên liên quan*

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh V.04)</b>		
Ông Trần Văn Anh	2.000.000.000	-

**2. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN**

*Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý*

Công ty thực hiện toàn bộ hoạt động kinh doanh thương mại chỉ trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

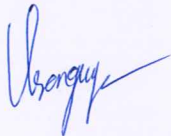
*Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Hoạt động thương mại là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty. Do vậy, Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động thương mại là một bộ phận kinh doanh duy nhất.

**3. THÔNG TIN SO SÁNH**

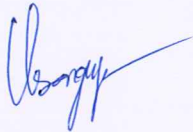
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

**Người lập biểu**



**Nguyễn Văn Sáng**

**Kế toán trưởng**



**Nguyễn Văn Sáng**

Lập, ngày 13 tháng 01 năm 2023



**Trần Văn Anh**